TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3- NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/KDTM-ST
Ngày: 24/9/2025
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3- NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lâm Thị Thanh Nhàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Khắc Thái

Bà Nguyễn Thị Phương Thiệu

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Văn Bình - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3- Ninh Bình

- *Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3- Ninh Bình tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thu Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3- Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2025/TLST -KDTM, ngày 15/5/2025 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2025/QĐXXST-KDTM ngày 29 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/QĐST-KDTM ngày 16/9/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N1. Trụ sở chính: Số B L, phường B, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V – chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị H – Giám đốc chi nhánh T1;

Người đại diện theo ủy quyền lại: ông Hà Đăng T –Trưởng phòng chi nhánh T1, Ninh Bình.

Bị đơn: Ông Phạm Xuân Q S năm 1984 và bà Nguyễn Thị Thu H1 sinh năm 1985; Địa chỉ: Thôn Đ, xã Q, tỉnh Ninh Bình

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Văn H2; sinh năm 1963; cùng địa chỉ: Ngã 3 Anh T, xã Q, tỉnh Ninh Bình.

- Bà Đinh Thị D; sinh năm 1964; cùng địa chỉ: Ngã 3 Anh T, xã Q, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đinh Thị D: Ông Nguyễn Văn H2; sinh năm 1963; cùng địa chỉ: Ngã 3 Anh T, xã Q, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa: Ông T (Có mặt); ông Q và bà H1, ông H2 (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

1.1. Hợp đồng tín dụng số 3304-LAV-201600880 ngày 14/07/2016.

Ngày 14/07/2016, Ngân hàng N1 - Chi nhánh thành phố T1, Ninh Bình (nay là chi nhánh T1, Ninh Bình) (sau đây gọi là "Ngân hàng N2") đã đồng ý ký kết Hợp đồng tín dụng với ông Phạm Xuân Q và bà Nguyễn Thị Thu H1. Nội dung của Hợp đồng tín dụng như sau:

+ Số tiền cho vay: 2.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ đồng)

+ Mục đích vay: Mua máy xúc làm dịch vụ xúc ủi

+ Thời hạn vay: 12 tháng, kể từ ngày 14/07/2016 đến ngày 14/07/2017

Ngày 14/07/2016, ông Phạm Xuân Q và bà Nguyễn Thị Thu H1 thực hiện rút vốn với số tiền 2.000.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 3304-LAV-201600880 ký kết ngày 14/07/2016; Mục đích vay: Mua máy xúc làm dịch vụ xúc ủi.

Trong quá trình vay, từ ngày 14/07/2016 đến ngày 31/03/2025, ông Phạm Xuân Q và bà Nguyễn Thị Thu H1 đã trả được tổng số tiền*: 555.952.222 đồng.(Trong đó*: *Gốc: 517.230.000 đồng; Lãi trong hạn: 38.722.222 đồng.*

Đây là số tiền thu nợ từ việc bán đấu giá tài sản bảo đảm là xe ô tô LEXUS biển số 35A-071.60 mang tên ông Phạm Xuân Q.

- Dư nợ hiện tại: 1.482.770.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ bốn trăm tám mươi hai triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng).

Tháng 07 năm 2018, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng số 3304-LAV-201600880 ký kết ngày 14/07/2016 sang nợ quá hạn và tính lãi suất vay quá hạn theo quy định.

1.2. Hợp đồng tín dụng số 3304-LAV-201800458 ngày 02/04/2018.

Ngày 02/04/2018, Ngân hàng N1 - Chi nhánh thành phố T1 (nay là chi nhánh T1, Ninh Bình) đã đồng ý ký kết Hợp đồng tín dụng với ông Phạm Xuân Q và bà Nguyễn Thị Thu H1. Nội dung của Hợp đồng tín dụng như sau:

+ Số tiền cho vay: 265.000.000 đồng

+ Mục đích vay: Mua vật liệu sửa nhà ở

+ Thời hạn vay: 3 năm, kể từ ngày 03/04/2018 đến ngày 02/04/2021

Ngày 02/04/2018, ông Phạm Xuân Q và bà Nguyễn Thị Thu H1 thực hiện rút vốn với số tiền 265.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 3304-LAV-201800458 ký kết ngày 02/04/2018; Mục đích vay: Mua vật liệu sửa nhà ở.

Trong quá trình vay, từ ngày 02/04/2018 đến ngày 31/03/2025, ông Phạm Xuân Q và bà Nguyễn Thị Thu H1 chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Do khách hàng là ông Phạm Xuân Q và bà Nguyễn Thị Thu H1 không thực hiện trả nợ gốc, lãi đúng hạn cho Ngân hàng. Đến tháng 06 năm 2018, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng số 3304-LAV-201800458 ký kết ngày 02/04/2018 sang nợ quá hạn và tính lãi suất vay quá hạn theo quy định.

Sau khi chuyển nợ quá hạn, Ngân hàng nhiều lần đôn đốc khách hàng thực hiện trách nhiệm trả nợ nhưng đến nay ông Phạm Xuân Q và bà Nguyễn Thị Thu H1 vẫn chưa trả hết nợ gốc, lãi quá hạn cho Ngân hàng.

Tính đến ngày 31/03/2025, tổng số tiền ông Phạm Xuân Q và bà Nguyễn Thị Thu H1 chưa trả nợ Ngân hàng tạm tính theo các Hợp đồng tín dụng cụ thể là:

- Hợp đồng tín dụng số: 3304-LAV-201600880 ký kết ngày 14/07/2016

Tổng số tiền nợ là: 2.122.356.167 đồng. *Trong đó: Nợ gốc: 1.482.770.000 đồng; Nợ lãi: 639.586.167 đồng*

- Hợp đồng tín dụng số: 3304-LAV-201800458 ký kết ngày 02/04/2018

Tổng số tiền nợ là: 355.153.000 đồng; *trong đó: Nợ gốc: 265.000.000 đồng; Nợ lãi: 90.153.000 đồng*

- Tổng số tiền nợ gốc, lãi cả 2 Hợp đồng tín dụng là: 2.477.509.167 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ bốn trăm bảy mươi bảy triệu năm trăm linh chín nghìn một trăm sáu mươi bảy đồng), trong đó Nợ gốc: 1.747.770.000 đồng; Nợ lãi: 729.739.167 đồng

2. Về tài sản thế chấp bảo đảm nợ vay: Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ vay của ông Phạm Xuân Q và bà Nguyễn Thị Thu H1, bên vay đã thế chấp tài sản theo Hợp đồng thế chấp được ký kết với Ngân hàng như sau:

** Tài sản bảo đảm của người khác:*Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đấtthế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đấtcủa người khác số: 3304-LCL-201500237 ký kết ngày 01/04/2015 giữa A Chi nhánh thành phố T1 (nay là chi nhánh T1, Ninh Bình) với ông Nguyễn Văn H2 và bà Đinh Thị D.

- Quyền sử dụng đất: Thửa đất số: 61;Tờ bản đồ số: 2; Diện tích: 550,0 m^2 Trong đó: Đất ở tại nông thôn: 250 m^2; Đất vườn: 300 m^2 ; Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài

- Tài sản gắn liền với đất: Nhà ở 2 tầng; Nhà xây gạch đỏ, mái đổ bê tông, nền lát gạch hoa; Diện tích sử dụng khoảng 80m^2.

- Giấy tờ chứng minh quyền sử dụng/quyền sở hữu: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 416094 do UBND huyện N cấp ngày 20 tháng 7 năm 2009 mang

tên Hộ ông Nguyễn Văn H2; địa chỉ tài sản: Xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình (nay là xã Q, tỉnh Ninh Bình).

Giá trị tài sản đảm bảo là 1.400.000.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ bốn trăm triệu đồng). Tài sản trên được đảm bảo cho khoản vay, số tiền gốc: 1.000.0000.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ đồng).

- Hợp đồng thế chấp đã được công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định.
- Tài sản trên đều có đầy đủ giấy tờ chứng minh quyền sử dụng, quyền sở hữu hợp pháp theo quy định của pháp luật. Việc thế chấp đã thực hiện đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ và hoàn tất các thủ tục theo quy định của Pháp luật và của Ngân hàng.

** Tài sản bảo đảm chính chủ:*Xe ô tô LEXUS

+ Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 008657, biển số 35A-071.60 mang tên ông Phạm Xuân Q.

Giá trị tài sản đảm bảo là 1.600.000.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ sáu trăm triệu đồng). Tài sản trên được đảm bảo cho khoản vay, số tiền gốc: 1.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ đồng).

- Hợp đồng thế chấp đã được công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định.
- Tài sản trên đều có đầy đủ giấy tờ chứng minh quyền sử dụng, quyền sở hữu hợp pháp theo quy định của pháp luật. Việc thế chấp đã thực hiện đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ và hoàn tất các thủ tục theo quy định của Pháp luật và của Ngân hàng.

Tài sản Xe ô tô LEXUS đã được ông Phạm Xuân Q và bà Nguyễn Thị Thu H1 nhất trí bàn giao cho A Chi nhánh thành phố T1 (nay là chi nhánh T1, Ninh Bình) và đã bán đấu giá theo quy định để thu hồi bớt nợ.

3. Để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình: Ngân hàng N1 thông qua Ngân hàng N1 - Chi nhánh thành phố T1 (nay là chi nhánh T1, Ninh Bình) yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 3- Ninh Bình buộc bên vay ông Phạm Xuân Q và bà Nguyễn Thị Thu H1 phải trả toàn bộ số nợ cho Ngân hàng N1 tạm tính đến ngày 31/03/2025 tổng số tiền là: 2.477.509.167 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ bốn trăm bảy mươi bảy triệu năm trăm linh chín nghìn một trăm sáu mươi bảy đồng), trong đó: nợ gốc: 1.747.770.000 đồng, nợ lãi: 729.739.167 đồng. Và các khoản lãi trong hạn, lãi phạt quá hạn cho đến khi ông Phạm Xuân Q và bà Nguyễn Thị Thu H1 thanh toán toàn bộ nghĩa vụ theo các Hợp đồng tín dụng đã ký.

Trường hợp ông Phạm Xuân Q và bà Nguyễn Thị Thu H1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, đề nghị Tòa án tuyên Ngân hàng N1

được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý đối với tài sản thế chấp theo quy định của Pháp luật để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Trong trường hợp nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng N1 ông Phạm Xuân Q và bà Nguyễn Thị Thu H1 có trách nhiệm tiếp tục trả nợ gốc, lãi, các khoản phí phát sinh còn lại theo đúng nghĩa vụ cho Ngân hàng N1 qua Ngân hàng N1 - Chi nhánh T1 và Ngân hàng N1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Phạm Xuân Q và bà Nguyễn Thị Thu H1 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tiếp cân công khai chứng cứ ngân hàng N2 tiếp tục giữ nguyên yêu cầu khởi kiện:

Buộc bên vay ông Phạm Xuân Q và bà Nguyễn Thị Thu H1 phải trả toàn bộ số nợ cho Ngân hàng N1 tạm tính đến ngày 28/8/2025 tổng số tiền là: 2.556.320.158 đồng trong đó: nợ gốc: 1.747.770.000 đồng, nợ lãi: 808.550.158 đồng và toàn bộ lãi của các khoản vay phát sinh từ ngày 25/9/2025 được tính theo mức lãi suất tại các Hợp đồng tín dụng số: 3304-LAV-201600880 ký kết ngày 14/07/2016; Hợp đồng tín dụng số: 3304-LAV-201800458 ký kết ngày 02/04/2018 giữa ông Phạm Xuân Q và bà Nguyễn Thị Thu H1 với Ngân hàng N2 đến khi ông Phạm Xuân Q, bà Nguyễn Thị Thu H1 tất toán khoản vay.

Trường hợp ông Phạm Xuân Q và bà Nguyễn Thị Thu H1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, đề nghị Tòa án tuyên Ngân hàng N1 được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý đối với tài sản thế chấp theo quy định của Pháp luật để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Trong trường hợp nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng N1 thì ông Phạm Xuân Q và bà Nguyễn Thị Thu H1 có trách nhiệm tiếp tục trả nợ gốc, lãi, các khoản phí phát sinh còn lại theo đúng nghĩa vụ cho Ngân hàng N1 qua Ngân hàng N1 - Chi nhánh T1, Ninh Bình và Ngân hàng N1 quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Phạm Xuân Q và bà Nguyễn Thị Thu H1 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Ngân hàng N2 rút bớt nghĩa vụ trả nợ đối với ông Phạm Xuân Q và bà Nguyễn Thị Thu H1 đối với các Hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng N1 - chi nhánh T1, Ninh Bình theo quy định. Do ngày 23/09/2025 ông Nguyễn Văn H2 và bà Nguyễn Thị D1 (là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan) đã tự nguyện trả cho A chi nhánh T1, Ninh Bình theo nghĩa vụ tại Hợp đồng thế chấp số 3304-LCL-201500237 ký kết ngày 01/04/2015 cho Hợp đồng tín dụng số 3304-LAV-201600880 ký kết ngày 14/07/2016 với số tiền gốc là: 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng chẵn) và số tiền lãi của số tiền gốc 1 tỷ đồng.

Như vậy tính đến ngày 23/9/2025, tổng số tiền ông Phạm Xuân Q và bà Nguyễn Thị Thu H1 còn nợ Ngân hàng tạm tính theo các Hợp đồng tín dụng cụ thể là:

- Hợp đồng tín dụng số: 3304-LAV-201600880 ký kết ngày 14/07/2016:

+ Nợ gốc: 482.770.000 đồng; Nợ lãi (lãi trong hạn): 233.924.302 đồng

- Hợp đồng tín dụng số: 3304-LAV-201800458 ký kết ngày 02/04/2018:

+ Nợ gốc: 265.000.000 đồng; Nợ lãi (lãi trong hạn): 96.363.148 đồng

- Tổng số tiền nợ gốc + lãi cả 2 Hợp đồng tín dụng là: 1.078.057.450 đồng trong đó: Nợ gốc: 747.770.000 đồng; nợ lãi (lãi trong hạn): 330.287.450 đồng

Kể từ ngày 24/9/2025 cho đến khi thi hành xong bản án, ông Phạm Xuân Q và Nguyễn Thị Thu H1 còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng đã ký.

Về tài sản thế chấp: Ngân hàng N2 rút toàn bộ yêu cầu về xử lý tài sản thế chấp. Ông H2, bà D1 được rút toàn bộ giấy tờ tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất: Thửa đất số: 61; Tờ bản đồ số: 2; Diện tích: 550,0 m^2 ; Trong đó: Đất ở tại nông thôn: 250 m^2; Đất vườn: 300 m^2.

- Tài sản gắn liền với đất: Nhà ở 2 tầng; Nhà xây gạch đỏ, mái đổ bê tông, nền lát gạch hoa; Diện tích sử dụng khoảng 80m^2.

- Giấy tờ chứng minh quyền sử dụng/quyền sở hữu: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 416094 do UBND huyện N cấp ngày 20 tháng 7 năm 2009 mang tên Hộ ông Nguyễn Văn H2; Địa chỉ tài sản: xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình (nay là xã Q, tỉnh Ninh Bình)

- Bị đơn ông Phạm Xuân Q và bà Nguyễn Thị Thu H1: Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, Tòa án đến làm việc và tống đạt trực tiếp đối với bị đơn, bị đơn nhận văn bản tố tụng của Tòa án tống đạt nhưng bị đơn vẫn từ chối không có văn bản ghi ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo (nếu có).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H2

Trong năm 2016 và năm 2018, ông Phạm Xuân Q và bà Nguyễn Thị Thu H1 có ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng N1 - Chi nhánh T1. Trong quá trình thực hiện nghĩa vụ ông Q, bà H1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Đế đảm bảo cho khoản vay 1 tỷ đồng của ông Q và bà H1 thì ông Nguyễn Văn H2 và bà Đinh Thị D đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số: 3304-LCL-201500237 ký kết ngày 01/04/2015 gồm:

- Quyền sử dụng đất: Thửa đất số: 61; Tờ bản đồ số: 2; Diện tích: 550,0 m^2 Trong đó: Đất ở tại nông thôn: 250 m^2; đất vườn: 300 m^2; Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài.

- Tài sản gắn liền với đất: Nhà ở 2 tầng; Nhà xây gạch đỏ, mái đổ bê tông, nền lát gạch hoa; Diện tích sử dụng khoảng 80m^2.

- Giấy tờ chứng minh quyền sử dụng/quyền sở hữu: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 416094 do UBND huyện N cấp ngày 20 tháng 7 năm 2009 mang tên Hộ ông Nguyễn Văn H2; Địa chỉ tài sản: Xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình (nay là xã Q, tỉnh Ninh Bình)

Đối với Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất trên cho hộ ông H2 và bà D đây là tài sản riêng của vợ chồng ông H2 và bà D, còn đối với bốn con ông H2 bà D không có liên quan và không có công đóng góp gì đối với tài sản trên do chế độ chính sách thời điểm đó cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ. Tại thời điểm đó, bốn con ông H2, bà D còn nhỏ còn đang phụ thuộc vào ông bà chưa có tài sản gì.

Do việc kinh doanh gặp khó khăn, ông Q và bà H1 chưa thực hiện được đầy đủ nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng N2 - chi nhánh T1. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ, quan điểm của ông đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện để thỏa thuận cho ông Q và bà H1 trả nợ dần và Ngân hàng hỗ trợ về lãi suất.

Ngày 23/9/2025, ông H2 và bà D đã thực hiện việc trả toàn bộ số tiền gốc 1 tỷ đồng và tiền lãi theo quy định cho Ngân hàng N2 và được ngân hàng N2 cho rút toàn bộ giấy tờ về tài sản mà ông bà thế chấp cho anh Q chị H1 vay tại ngân hàng N2.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3- Ninh Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã tuân thủ, thực hiện đầy đủ, đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với các đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 5, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng;

Điều 292, Điều 293, Điều 299, Điều 317, khoản 6 Điều 320, Điều 322, Điều 323, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị:

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất: Thửa đất số: 61;Tờ bản đồ số: 2; Diện tích: 550,0 m^2 ; Trong đó: Đất ở tại nông thôn: 250 m^2; Đất vườn: 300 m^2; Tài sản gắn liền với đất: Nhà ở 2 tầng; Nhà xây gạch đỏ, mái đổ bê tông, nền lát gạch hoa; Diện tích sử dụng khoảng 80m^2.Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 416094 do UBND huyện N cấp ngày 20 tháng 7 năm 2009

mang tên Hộ ông Nguyễn Văn H2; Địa chỉ tài sản: Xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình (nay là xã Q, tỉnh Ninh Bình)

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tranh chấp hợp đồng tín dụng của Ngân hàng N1 với ông Phạm Xuân Q và bà Nguyễn Thị Thu H1.

Buộc ông Phạm Xuân Q và bà Nguyễn Thị H1 phải thanh toán cho Ngân hàng N1 tổng số tiền tạm tính đến ngày 23/9/2025 là: **1.078.057.450** đồng, trong đó: nợ gốc: 747.770.000 đồng; nợ lãi (lãi trong hạn): 330.287.450 đồng, cụ thể: Số tiền còn nợ của Hợp đồng tín dụng số 3304-LAV-201600880 ký kết ngày 14/07/2016 là: Gốc: 482.770.000 đồng; lãi: 233.924.302 đồng. Số tiền còn nợ của Hợp đồng tín dụng số 3304-LAV-201800458 ký kết ngày 02/04/2018: Gốc: 265.000.000 đồng, lãi: 96.363.148 đồng). Và toàn bộ lãi, của khoản vay phát sinh từ ngày 24/9/2025 được tính theo mức lãi suất tại cácHợp đồng tín dụng số:3304-LAV-201600880 ký kết ngày 14/07/2016 vàHợp đồng tín dụng số: 3304-LAV-201800458 ký kết ngày 02/04/2018 giữa ông Phạm Xuân Q và bà Nguyễn Thị Thu H1 với Ngân hàng N2 đến khi ông Phạm Xuân Q, bà Nguyễn Thị Thu H1 tất toán khoản vay.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Trả lại cho Ngân hàng N2 số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa ngày 16/9/2025, đại diện Ngân hàng N1 (viết tắt Ngân hàng N2) có mặt; bị đơn và người có quyền lợi và liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, 233 và 235 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử ra quyết định hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào hồi 14 giờ 00 phút, ngày 24 tháng 9 năm 2025.

Tại phiên tòa ngày 24/9/2025, đại diện Ngân hàng N1 có mặt; bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan .

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp phát sinh giữa Ngân hàng N1 với hộ kinh doanh ông Phạm Xuân Q. Ông Phạm Xuân Q vay tiền nhằm mục đích kinh doanh máy xúc ủi và đây là vụ án tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thượng mại. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 30; Điều 35; và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại "Tranh chấp hợp đồng

tín dụng", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình (nay thuộc Tòa án nhân dân khu vực 3- Ninh Bình).

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về yêu cầu thanh toán nợ gốc và nợ lãi của nguyên đơn: Ngân hàng N1 yêu cầu ông Phạm Xuân Q và bà Nguyễn Thị Thu H1 thanh toán tổn số tiền còn nợ Ngân hàng N2 đến ngày 23/9/2025 là **1.078.057.450** đồng, trong đó: nợ gốc là 747.770.000 đồng; nợ lãi (lãi trong hạn) là 330.287.450 đồng và toàn bộ lãi của khoản vay phát sinh từ ngày 25/9/2025 được tính theo mức lãi suất tại các Hợp đồng tín dụng số:3304-LAV-201600880 ký kết ngày 14/07/2016 và Hợp đồng tín dụng số: 3304-LAV-201800458 ký kết ngày 02/04/2018.

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và bản trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, có đủ căn cứ để xác định:

Ngân hàng N1 - Chi nhánh T1 (sau đây gọi tắt là Ngân hàng N2) đã cấp tín dụng cho ông Phạm Xuân Q và bà Nguyễn Thị Thu H1 theo các Hợp đồng tín dụng số:3304-LAV-201600880 ký kết ngày 14/07/2016 và Hợp đồng tín dụng số: 3304-LAV-201800458 ký kết ngày 02/04/2018, mục đích vay vốn: kinh doanh máy xúc ủi, được ký kết giữa ông Phạm Xuân Q và Nguyễn Thị Thu H1 và đại diện của Ngân hàng N2 – chi nhánh T1 là hợp đồng được giao kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, nội dung và hình thức của hợp đồng không trái với đạo đức xã hội, phù hợp với quy định của pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng vay, Ngân hàng N2 – chi nhánh T1 đã giải ngân và ông Phạm Xuân Q và Nguyễn Thị Thu H1 đã ký giấy nhận nợ. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông Q, bà H1 vi phạm, Ngân hàng N2 – chi nhánh T1 đã đôn đốc và có văn bản làm việc với ông Q, bà H1, ông bà đã xin khất nợ, sự thừa nhận của nguyên đơn và bị đơn về số tiền vay là đúng, thuộc trường hợp không phải chứng minh, căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án công nhận đó là sự thật. Trong quá trình vay, ông Q, bà H1 vi phạm nghĩa vụ nên toàn bộ khoản vay trên. Sau khi phát sinh nợ, Ngân hàng N2 – chi nhánh T1 đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện cho ông Q, bà H1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nhưng ông bà không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Như vậy ông Q, bà H1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo nội dung đã thỏa thuận như trong hợp đồng, cụ thể là không thực hiện nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ gốc và nợ lãi đến hạn. Vì vậy, căn cứ Điều 280, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 của luật Tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N1.

Ngày 14/7/2016 đã ký Hợp đồng tín dụng số dụng số: 3304-LAV-201600880; Lãi suất vay tại thời điểm giải ngân: 9% /Năm và lãi suất này có thể được điều chỉnh khi Ngân hàng N2 – chi nhánh T1 điều chỉnh lãi suất theo các quy định về thay đổi lãi suất cho vay của Ngân hàng N3 và hướng dẫn của Ngân hàng N1; lãi suất nợ quá

hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn như vậy tổng số tiền lãi bị đơn phải trả cho Ngân hàng tại Hợp đồng tín dụng dụng số: 3304-LAV-201600880 ký kết ngày 14/07/2016 (tạm tính đến ngày 23/9/2025) là nợ lãi (lãi trong hạn): 233.924.302 đồng

Ngày 02/4/2018 đã ký Hợp đồng tín dụng số: 3304-LAV-201800458; Lãi suất trong hạn: 9,5% /Năm trên nợ gốc; lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn như vậy tổng số tiền lãi bị đơn phải trả cho Ngân hàng tại Hợp đồng tín dụng số: 3304-LAV-201800458 ký kết ngày 02/04/2018 (tạm tính đến ngày 23/9/2025) là nợ lãi (lãi trong hạn): 96.363.148 đồng

Do đó, ngoài việc phải trả tiền lãi trong hạn thì bị đơn còn phải trả tiền lãi quá hạn tại Hợp đồng tín dụng như các bên đã thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng nên yêu cầu trả lãi trong hạn, lãi quá hạn của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại các Điều 466; Điều 468 và Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Ông Phạm Xuân Q, bà Nguyễn Thị Thu H1 phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc kể từ ngày 24/9/2025 đến khi trả hết nợ theo mức lãi mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng.

[2.2] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất: ngày 23/9/2025 Ngân hàng N1 rút toàn bộ yêu cầu về xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất: Thửa đất số: 61; Tờ bản đồ số: 2; Diện tích: 550,0 m^2 ; Trong đó: Đất ở tại nông thôn: 250 m^2; Đất vườn: 300 m^2 ; Tài sản gắn liền với đất: Nhà ở 2 tầng; Nhà xây gạch đỏ, mái đổ bê tông, nền lát gạch hoa; Diện tích sử dụng khoảng 80m^2; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 416094 do UBND huyện N cấp ngày 20 tháng 7 năm 2009 mang tên Hộ ông Nguyễn Văn H2; Địa chỉ tài sản: xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình (nay là xã Q, tỉnh Ninh Bình). Yêu cầu này của Ngân hàng, Hội đồng xét xử xét thấy Ngày 23/9/2025 nguyên đơn rút phần yêu cầu về xử lý tài sản bảo đảm là tự nguyện không có ai ép buộc nên cần chấp nhận yêu cầu này và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp.

[5] Về chi phí thẩm định: Nguyên đơn đồng ý chịu toàn bộ khoản chi phí thẩm định.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị đơn là ông Phạm Xuân Q, bà Nguyễn Thị Thu H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền **1.078.057.450** đồng là: [36.000.000đ + (3% x 278.057.450 đ) = 8.341.723 đ)] = 44.341.723 đồng. Làm tròn: 44.341.000 đồng.

Ngân hàng N1 không phải nộp án phí và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên*;*

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 92; Điều 147; Điều 155, Điều 156; Điều 158; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 280, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 91 và điều 95 Luật tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 6; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu phần xử lý tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất: Thửa đất số: 61;Tờ bản đồ số: 2; Diện tích: 550,0 m^2 ; Trong đó: Đất ở tại nông thôn: 250 m^2; Đất vườn: 300 m^2; Tài sản gắn liền với đất: Nhà ở 2 tầng; Nhà xây gạch đỏ, mái đổ bê tông, nền lát gạch hoa; Diện tích sử dụng khoảng 80m^2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 416094 do UBND huyện N cấp ngày 20 tháng 7 năm 2009 mang tên Hộ ông Nguyễn Văn H2; Địa chỉ tài sản: Xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình (nay là xã Q, tỉnh Ninh Bình).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tranh chấp hợp đồng tín dụng của Ngân hàng N1 với ông Phạm Xuân Q và bà Nguyễn Thị Thu H1.

Buộc ông Phạm Xuân Q và bà Nguyễn Thị H1 phải thanh toán cho Ngân hàng N1 tổng số tiền tạm tính đến ngày 23/9/2025 là: **1.078.057.450** đồng, trong đó: Nợ gốc: 747.770.000 đồng; Nợ lãi (lãi trong hạn): 330.287.450 đồng, cụ thể:

Số tiền còn nợ của Hợp đồng tín dụng số 3304-LAV-201600880 ký kết ngày 14/07/2016 là: Gốc: 482.770.000 đồng; lãi: 233.924.302 đồng. Số tiền còn nợ của Hợp đồng tín dụng số 3304-LAV-201800458 ký kết ngày 02/04/2018: gốc: 265.000.000 đồng, lãi: 96.363.148 đồng). Và toàn bộ lãi, của khoản vay phát sinh từ ngày 24/9/2025 được tính theo mức lãi suất tại các Hợp đồng tín dụng số: 3304-LAV-201600880 ký kết ngày 14/07/2016 và Hợp đồng tín dụng số: 3304-LAV-201800458 ký kết ngày 02/04/2018 giữa ông Phạm Xuân Q và bà Nguyễn Thị Thu H1 với Ngân hàng N2 đến khi ông Phạm Xuân Q, bà Nguyễn Thị Thu H1 tất toán khoản vay.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Xuân Q và bà Nguyễn Thị Thu H1 phải nộp số tiền là: 44.341.000 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi bốn triệu ba trăm bốn mươi mốt nghìn đồng).

- Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng N1 số tiền là 43.669.552 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi ba triệu sáu trăm sáu mươi chín nghìn năm trăm năm mươi hai đồng), Ngân hàng N1 đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 3 – Ninh Bình) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001058 ngày 15 tháng 5 năm 2025.

Án xử sơ thẩm công khai các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6 Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND KV3- NB;
- Thi hành án T.NB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn./.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lâm Thị Thanh Nhàn

Các hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Lâm Thị Thanh N